TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2018/DS-ST
Ngày: 23-10-2018
V/v "Tranh chấp về mở lối đi qua bất động sản liền kề"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Thế Dũng

2. Bà Võ Thị Hồng Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp về mở lối đi qua bất động sản liền kề", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Phan Văn C, sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ 3, ấp F, xã B, huyện G, tỉnh T; (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Phan Văn H, sinh năm: 1965

Địa chỉ: Ấp J, xã B, huyện G, tỉnh T; (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị Võ Thị N, sinh năm 1976; (vắng mặt).

Địa chỉ: cùng địa chỉ anh C

2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1966; (có mặt).

Địa chỉ: cùng địa chỉ ông H

3. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 18 Trần Hữu Dực, Khu đô thị mới Mỹ Đình 1, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Khánh – Chủ tịch Hồi đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền thường xuyên: ông Phạm Đức M – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh G (Theo Quyết định ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014).

Người đại diện theo ủy quyền của ông M: Ông Hồ Huy C1 – Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh (Theo giấy ủy quyền lại ngày 12/6/2018); (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-4-2018 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn anh Phan Văn C trình bày:

Anh và ông Phan Văn H có quan hệ bà con thân thuộc, ông nội của ông H là ông Cố nội của anh. Năm 1999, anh được cha mẹ là ông Phan Văn C1 và bà Lê Thị C2 cho phần đất diện tích 6.470 m^2 tọa lạc tại ấp 3, xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh có vị trí phía trong phần đất của ông H. Còn ông H thì được cha mẹ ông H cho phần đất diện tích 9.343,4 m^2 phía ngoài phần đất của anh và giáp với đường đất. Nguồn gốc đất của anh và đất của ông H là của ông Cố nội anh để lại và chia cho những người con, sau này anh và ông H được cha mẹ cho lại. Trước đây, đất của ông H là đất rừng, xen kẻ đất sản xuất nhỏ. Từ hồi ông Cố nội anh còn sống có chừa ra 01 phần diện tích trên phần đất của ông H để làm đường đi chung và con đường đất này có diện tích ngang 04 m x dài từ đầu đường đất ngang qua giữa đất ông H đi thẳng xuống đất của anh. Sau này ông H phá rừng chuyển sang đất sản xuất nên từ năm 2012, ông H không cho đi ngang đất của ông H nữa mà mở đường vòng qua nghĩa địa dọc theo ranh đất của ông H để cho các hộ dân có đất phía trong phần đất của ông H đi. Nhưng đến khoảng tháng 9-2016, thì ông H trồng nhãn chắn hết lối đi không cho các hộ dân đi qua đất của ông H. Anh có gặp ông H yêu cầu ông H mở lối đi nhưng ông H không đồng ý. Nên đến tháng 11-2016 anh gửi đơn yêu cầu xã giải quyết nhưng hòa giải không thành. Từ ngày ông H trồng cây chắn lối đi, anh không còn đường đi mà phải đi vòng qua Kênh tiêu, tự làm cây cầu để vận chuyển vật tư nông nghiệp và nông sản nhưng nay cầu cũng đã gãy nên anh không còn lối đi nào khác. Anh yêu cầu ông H mở lối đi chung diện tích ngang 04 m x dài khoảng 168 m từ đầu đường đất dọc theo ranh đất của ông H bên phía ranh đất giáp với nghĩa địa đến ranh đất giữa ông H và ông Phan Thế P. Anh không đồng ý thanh toán giá trị quyền sử dụng đất lại cho ông H vì đường đi chung mà ông bà đã chừa ra cho những người có đất phía trong bị ông H san bằng làm đất sản xuất nên ông H có nghĩa vụ phải mở lối đi khác trả lại đường đi chung của dòng họ.

Tại bản tự khai đề ngày 18-5-2018 và trong quá trình giải quyết, bị đơn Phan Văn H trình bày:

Nguồn gốc đất của anh C và đất của ông (gồm phần đất mà anh C yêu cầu ông mở lối đi) là của ông Phan Văn N1 là ông nội của ông, cũng là ông Cố nội của anh C để lại. Ông quản lý đất từ khi còn nhỏ do cha ông mất sớm, đến năm 2007 thì mẹ ông sang tên lại cho vợ chồng ông cùng đứng tên diện tích 9.343,4

m^2, thuộc thửa đất số 342, tờ bản đồ 36 tọa lại tại ấp 3, xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Do trước đây trên phần đất này có 01 phần là rừng nên người dân có đi ngang qua đất của ông để xuống đất của họ tạo thành lối mòn vừa đủ rộng để xe trâu đi vận chuyển nông sản, không phải là đường đi chung của dòng họ. Khoảng hơn mười năm trước, ông khai hoang phần đất rừng còn lại cập nghĩa địa và có chừa lối đi ngang hơn 01 m cho người dân đi xuống nghĩa địa và anh C đi xuống ruộng. Năm 2016, anh C yêu cầu ông mở lối đi rộng hơn, ông không đồng ý nên anh C thưa kiện. Từ ngày anh C khởi kiện thì ông trồng cây chắn lối đi này không cho đi nữa. Hiện nay, ông có chừa lối đi ngang khoảng 04 m x dài từ đầu đường đất đến đất ông PhanThế P là anh ruột của ông bên ranh đất giáp với đất ông N3 nên ông và ông P cùng đi chung trên lối đi này.

Nay anh C yêu cầu mở lối đi ngang 04 m x dài khoảng 168 m bên phía ranh đất giáp với nghĩa địa ông không đồng ý và cũng không đồng ý mở lối đi bên phần đất mà ông đã chừa lối đi cho ông và ông P cùng đi. Với lý do: ông bà chia đất cho con cháu, cha ông C là ông Phan Văn C1 cũng được chia phần đất giáp với đường đi công cộng nhưng cha ông C đã bán lại cho ông Huỳnh Văn T2 mà không chừa lối đi riêng cho gia đình.

Tại bản tự khai đề ngày 18-6-2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị N trình bày:

Nguồn gốc đất là của ông bà để lại. Từ ngày chị về sống chung với anh C đã có đường đi giữa ranh đất của ông H và ông T3 để đi xuống nghĩa địa và đất của vợ chồng chị. Năm 2016, ông H chắn lại con đường không cho gia đình chị đi xuống ruộng và các hộ dân khác cũng không có đường đi xuống nghĩa địa nữa. Chị thống nhất với yêu cầu của anh C, ông H mở lối đi chung diện tích ngang 04 m x dài khoảng 168 m từ đầu đường đất dọc theo ranh đất của ông H bên phía ranh đất giáp với nghĩa địa đến ranh đất giữa ông H và ông P và chị không đồng ý thanh toán giá trị quyền sử dụng đất lại cho ông H.

Tại bản tự khai đề ngày 28-5-2018 và trong quá trình giải quyết, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Bà thống nhất với những lời trình bày của ông H. Hiện nay Nhà nước đang vận động người dân chặt bỏ cây tạp và làm đường trên bờ Kênh nên ông H có lối đi tiện hơn vì từ đất ông H xuống Kênh tiêu gần hơn là lên đường đi công cộng giáp với đất của vợ chồng bà, hơn nữa đường đi công cộng hiện cũng không có ai đi được do cây cối mọc chắn hết lối đi. Hiện gia đình bà cũng phải đi nhờ trên đất trồng cây cao su của người khác mới lên được đường lớn. Bà không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của anh C và cũng không đồng ý mở lối đi trên phần đất mà vợ chồng bà đã chừa ra làm đường đi cho gia đình bà và ông P.

Tại đơn không yêu cầu giải quyết đề ngày 12-6-2018 và bản tự khai đề ngày 13-6-2018, ông Hồ Huy C1 là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam trình bày:

Ngày 05-4-2018, ông Phan Văn H có ký hợp đồng tín dụng số 5703LAV201802610 ngày 05-4-2018 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Gò Dầu để vay số tiền 50.000.000 đồng. Ông H có giao cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Gò Dầu giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00555/335/2007/QĐ-UBND(HL) ngày 11-9-2007 do ông H và bà H1 đứng tên.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam không yêu cầu giải quyết đối với số tiền nợ vay. Ngoài ra, anh Phan Văn C tranh chấp với ông H về mở lối đi qua bất động sản liền kề, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam không có yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Còn những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C đối với ông H. Buộc ông H mở lối đi hợp lý trên phần đất có diện tích 9.343,4 m^2 thuộc thửa đất số 342, tờ bản đồ số 36 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Dầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00555 ngày 11-9-2007 cho ông H.

Buộc anh C có trách nhiệm đền bù phần giá trị đất để mở lối đi cho ông H theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị N vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Phần đất diện tích 6.470 m^2 thuộc thửa đất số 281, 409, 300, 301 tờ bản đồ số tọa lạc tại ấp 3, xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh do Ủy ban nhân dân huyện Gò Dầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02079 ngày 06-4-1999 cho anh C có vị trí phía trong phần đất diện tích 9.343,4 m^2 thuộc thửa đất số 342 tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại ấp 3, xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh do Ủy ban nhân dân huyện Gò Dầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00555/335/2007/QĐ-UBND(HL) ngày 11-9-2007cho ông H và bà H1. Nguồn gốc của 02 phần đất này là của ông Phan Văn N1 là ông nội của ông H cũng là ông Cố nội của anh C để lại và chia cho những người con, sau này anh C và ông H được cho lại.

Anh C cho rằng từ thời ông Phan Văn N1 còn sống đã chừa ra phần đất ngang 04m x dài từ đầu đường đất ngang qua giữa đất ông H đến đất của anh để làm đường đi chung. Từ năm 2012, ông H phá hết rừng chuyển sang đất sản xuất, ông H không cho đi ngang qua đất của ông Hổ nữa mà mở đường dọc theo ranh đất của ông H giáp với đất nghĩa địa cho các hộ dân có đất phía trong đi. Đến khoảng tháng 9-2016, thì ông H trồng nhãn chắn hết lối đi không cho các hộ dân đi qua nên anh C tự bắt cây cầu cây qua kênh tiêu để vận chuyển vật tư nông nghiệp và nông sản. Hiện nay cây cầu cũng đã hư hỏng nặng nên việc vận chuyển của gia đình anh C gặp khó khăn.

[3] Qua xem xét, thẩm định tại chổ thì ngoài lối đi mà anh C yêu cầu được mở qua đất ông H và bà H1, xung quanh đất của anh C không còn lối đi nào khác gần và thuận tiện hơn. Còn ông H thì cho rằng đường đi công cộng giáp với đất của ông hiện không có ai đi và cây cối mọc chắn hết lối đi, gia đình ông cũng phải đi nhờ trong đất trồng cao su của người khác để ra đường lớn nên việc mở lối đi qua đất của ông là không hữu dụng. Nhưng để đáp ứng nhu cầu hợp lý của người dân có đất phía trong bị vây bọc bởi những phần đất của các chủ sở hữu quyền sử dụng đất khác mà không có lối đi ra đường công cộng và nhằm đảm bảo mục đích sử dụng lâu dài nên cần mở lối đi qua đất của ông H cho anh C là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 254 của Bộ luật Dân sự.

Tuy nhiên, anh C yêu cầu mở lối đi có diện tích ngang 04 mét là không phù hợp, căn cứ vào thực tế tại địa phương, vùng nông thôn để đảm bảo việc đi lại và vận chuyển nông sản thì chỉ cần mở lối đi qua bất động sản liền kề cho vợ chồng anh C diện tích ngang 03m mét là phù hợp với quy định tại Điều 254 của Bộ luật Dân sự.

Qua khảo sát, đo đạc thực tế phần đất được mở lối đi có diện tích 506,4 m^2 thuộc một phần thửa đất số 342, tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại ấp 3, xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00555/335/2007/QĐ-UBND(HL) ngày 11-9-2007 do ông H và bà H1 đứng tên. Đất có 02 đoạn như sau:

- Đoạn giáp với thửa đất số 329. Tứ cận: Đông giáp thửa đất số 356 dài 03 m; Tây giáp nghĩa địa dài 03 m; Nam giáp phần đất còn lại của thửa 342 dài 49,97 m; Bắc giáp thửa đất số 329 dài 48,23 m + giáp đường đi công cộng dài 3,99 m.

- Đoạn giáp với nghĩa địa. Tứ cận: Đông giáp phần đất còn lại của thửa 342 dài 118,46 m; Tây giáp nghĩa địa dài 107,76 m; Nam giáp thửa 310 dài 03 m; Bắc giáp thửa đất số 329 dài 03 m.

Thành tiền là 30.384.000 đồng (60.000 đồng/m^2).

Tài sản trên đất có: 80 cây nhãn 02 năm tuổi, thành tiền 9.600.000 đồng.

Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là: 39.984.000 đồng.

[4] Anh C cho rằng ông H phải mở lối đi để trả lại lối đi cũ đã bị ông H khai phá để trồng nhãn nên anh C không đồng ý thanh toán giá trị quyền sử dụng đất mở làm lối đi cho ông H. Còn ông H thì thừa nhận trước đây có 01 con đường mòn ngang qua đất của ông nhưng do người dân tự ý đi tạo thành lối mòn, không phải là đường đi do ông bà chừa ra để đi chung.

Qua thu thập chứng cứ lấy lời khai những người làm chứng là ông Phan Văn T1, ông Đỗ Văn H3, ông Nguyễn Văn M1, ông Huỳnh Văn T3 đều xác định trước đây có lối đi ngang qua đất của ông H nhưng không xác định được diện tích của lối đi là bao nhiêu và cũng không xác định được lối đi này là lối đi chung của dòng họ anh C. Và anh C cũng không có chứng cứ nào khác để chứng minh việc ông N1 đã chừa ra 01 phần diện tích đất trên đất của ông H để làm lối đi chung. Hơn nữa, gia đình anh C cũng có đất giáp với đường đi công cộng nhưng đã chuyển nhượng cho ông Huỳnh Văn T3 mà không chừa lối đi riêng cho gia đình mình. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc anh C, chị N có trách nhiệm thanh toán lại giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với diện tích đất mở lối đi cho ông H, bà H1 là phù hợp với quy định tại đoạn 3 khoản 1 Điều 254 của Bộ luật Dân sự. Buộc anh C và chị N có trách nhiệm thanh toán cho ông H và bà H1 số tiền 39.984.000 đồng.

[5] Đối với ý kiến của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam không yêu cầu giải quyết đối với số tiền nợ vay 50.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 5703LAV201802610 ngày 05-4-2018 và việc tín chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa ông H, bà H1 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam nên không giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản: anh C, chị N phải chịu 750.000 đồng và ông Hổ, bà Hà phải chịu 750.000 đồng theo quy định tại Điều 157 và 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu mở lối đi nên ông H và bà H1 phải chịu án phí không có giá ngạch, còn anh C và chị N phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền buộc phải thanh toán theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 157, 165 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 245, 246, 248, 254 của Bộ luật Dân sự; Điều 106, 166 của Luật Đất đai; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề của anh Phan Văn C đối với ông Phan Văn H.

Buộc ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thị H1 phải mở lối đi trên phần đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thị H1 có diện tích 506,4 m^2 thuộc một phần thửa đất số 342, tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại ấp 3, xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Buộc ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thị H phải di dời 80 cây nhãn trên đất.

Anh Phan Văn C và chị Võ Thị N được quyền sử dụng diện tích đất lối đi là 506,4 m^2 thuộc một phần thửa đất số 342, tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại ấp 3, xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Có 02 đoạn như sau:

- Đoạn giáp với thửa đất số 329. Tứ cận: Đông giáp thửa đất số 356 dài 03 m; Tây giáp nghĩa địa dài 03 m; Nam giáp phần đất còn lại của thửa 342 dài 49,97 m; Bắc giáp thửa đất số 329 dài 48,23 m + giáp đường đi công cộng dài 3,99 m.

- Đoạn giáp với nghĩa địa. Tứ cận: Đông giáp phần đất còn lại của thửa 342 dài 118,46 m; Tây giáp nghĩa địa dài 107,76 m; Nam giáp thửa 310 dài 03 m; Bắc giáp thửa đất số 329 dài 03 m.

Buộc anh Phan Văn C và chị Võ Thị N phải thanh toán lại cho ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thị H1 giá trị quyền sử dụng đất số tiền 30.384.000 đồng và bồi thường cây trên đất 9.600.000 đồng. Tổng cộng 39.984.000 đồng.

Kể từ ngày ông H và bà H1 có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh C và chị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Anh C, chị N, ông H, bà H1, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cùng đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đối với hợp đồng tín dụng số 5703LAV201802610 ngày 05-4-2018, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Anh C và chị N phải chịu 750.000 *(Bảy trăm năm mươi nghìn)* đồng. Ghi nhận anh C đã nộp số tiền 1.500.000 đồng tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Ông Hổ và bà Hà phải chịu 750.000 *(Bảy trăm năm mươi nghìn)* đồng để hoàn trả cho anh C.

4. Về án phí sơ thẩm:

Anh C và chị N phải chịu 1.999.200 *(Một triệu chín trăm chín mươi chín nghìn hai trăm)* đồng. Được khấu trừ vào số tiền 506.500 *(Năm trăm lẻ sáu nghìn năm trăm)* đồng tạm ứng án phí mà anh Cảnh đã nộp theo biên lai thu số 0013409 ngày 03-5-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Anh C và chị N còn phải nộp thêm số tiền 1.492.700 *(Một triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm)* đồng.

Ông H và bà H1 phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng.

Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng chị N và Ngân hàng Nông

nghiệp Phát triển Nông thôn Việt Nam vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

TRẦN THỊ KIM CƯƠNG